

## TỔNG HỢP

**DỰ KIẾN NHỮNG THAY ĐỔI VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (LƯƠNG, THU NHẬP TĂNG THÊM, CÁC MỨC PHỤ CẤP...) ÁP DỤNG TỪ NĂM 2013 (Quy định trong Quy chế thu chi nội bộ 2013 sẽ được ban hành sau khi tổng hợp ý kiến của Hội nghị CB-VC năm 2013)**

STT	Quy chế thu chi nội bộ 2011-2012	Quy chế thu chi nội bộ 2013
1	Lương 2 = 1 * Lương tối thiểu; Lương 3 = k*Hệ số lương * Lương tối thiểu;	TNTT = (1+k*Hệ số lương) * Lương tối thiểu; Hệ số K: được xác định vào đầu mỗi năm trên cơ sở tình hình tài chính của Trường
2	Đối tượng được hưởng TNTT Đối với viên chức hành chính:	Dựa trên số ngày làm việc thực tế trong năm trên bảng chấm công hàng tháng, viên chức được hưởng thu nhập tăng thêm theo tỉ lệ: + Từ dưới 210 ngày làm việc: Không được hưởng TNTT + Từ 210 ngày đến 219 ngày làm việc: Hưởng 50% TNTT trong năm + Từ 220 ngày đến 229 ngày làm việc: Hưởng 75% TNTT trong năm + Từ 230 ngày làm việc trở lên: Hưởng 100% TNTT trong năm  Từ ngày 05-10 hàng tháng, các đơn vị chuyển bảng chấm công về Phòng TCCB. Cuối năm, căn cứ trên số ngày làm việc thực tế, Phòng TCCB lập danh sách chuyển P.TCKT thực hiện truy thu số tiền TNTT đối với các viên chức không đảm bảo hoàn thành số ngày làm việc. Lưu ý: - Đối với VC nữ nghỉ thai sản sinh con (thứ 1 và thứ 2): đảm bảo chi trả 100% TNTT
3	Đối tượng được hưởng TNTT Đối với giảng viên:	+ Giảng viên không hoàn thành giờ giảng định mức: Không được hưởng TNTT + Giảng viên hoàn thành 100% giờ giảng và đạt từ 50% đến 70% giờ NCKH định mức: được hưởng 50% TNTT + Giảng viên hoàn thành 100% giờ giảng và từ 70% giờ NCKH định mức trở lên: được hưởng 75% TNTT + Giảng viên hoàn thành 100% giờ giảng và giờ NCKH định mức được hưởng 100% TNTT  Cuối năm, căn cứ trên số giờ giảng thanh toán tại P.TCKT và giờ NCKH tại P.QLKH, Phòng TCCB lập danh sách chuyển P.TCKT thực hiện truy thu TNTT đối với các viên chức không đảm bảo hoàn thành định mức giờ giảng và giờ NCKH.

4		Không chi trả kinh phí cho thực hiện các công việc thuộc nhiệm vụ thường xuyên của VCHC và phù hợp với định biên lao động của đơn vị hành chính ( <i>các công việc đột xuất hoặc giao theo nhiệm vụ cụ thể của khối hành chính được chi trả kinh phí thực hiện khi có quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập tổ công tác/ ban chuyên môn, quyết định ghi rõ nhiệm vụ, danh sách thành viên thực hiện, kinh phí</i> )
5	Đơn giá giờ chuẩn đứng lớp Hệ chính quy đại trà 35.000 đồng/tiết (tiết 45 phút). Đối với lớp chính quy đại trà giảng dạy theo tín chỉ, đơn giá 38.500đ/tiết (=1,1*35.000đ).	Điều chỉnh Đơn giá thanh toán 1 giờ chuẩn đối với Hệ chính quy đại trà từ 50.000 đồng/tiết (tiết 45 phút) lên <b>60.000đ/tiết</b> (=1,2 x đơn giá chuẩn). Đối với lớp chính quy đại trà giảng dạy theo tín chỉ, đơn giá <b>66.000đ/tiết</b> (=1,1*60.000đ), Giảng ngoài trường <b>78.000đ/tiết</b> (= (1+0,1+0,2)*60.000đ)
6	Đơn giá đứng lớp giảng viên thỉnh giảng: GV: 45.000đ; TS,GVC: 55.000đ; PGS: 60.000đ; GS: 65.000đ	Điều chỉnh tăng Đơn giá chuẩn đứng lớp đối với giảng viên thỉnh giảng: - Chính quy đại trà: <b>GV: 65.000đ; TS,GVC: 70.000đ; PGS: 75.000đ; GS: 80.000đ/tiết</b> (tiết 45 phút) - Các hệ LT,VLVH: <b>GV: 55.000đ; TS,GVC: 65.000đ; PGS: 70.000đ; GS: 75.000đ/tiết</b> (tiết 45 phút)
7	Đơn giá chuẩn đứng lớp Hệ chính quy đại trà 35.000 đồng/tiết (tiết 45 phút). Đối với lớp chính quy đại trà giảng dạy theo tín chỉ, đơn giá 38.500đ/tiết (=1,1*35.000đ),	Điều chỉnh tăng đơn giá thanh toán 1 giờ chuẩn đối với hệ đào tạo từ xa: từ 50.000 đồng/tiết (tiết 45 phút) lên <b>60.000đ/tiết</b> (=1,2 x đơn giá chuẩn). Đối với giảng dạy theo tín chỉ, đơn giá <b>66.000đ/tiết</b> (=1,1*60.000đ),
8		Quy định đơn giá thanh toán tối thiểu 1 giờ chuẩn đối với hệ liên thông do các Khoa/Viện được Trường phân cấp quản lý chi: 100.000đ/tiết (tiết tín chỉ: 50 phút)
9	<b>Các mức chi hỗ trợ hoạt động của các đơn vị</b>	<p><b><u>Bổ sung:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hỗ trợ tăng cường năng lực Bộ môn: hàng năm Nhà trường sẽ cân đối nguồn thu để chi hỗ trợ tăng cường năng lực Bộ môn theo nguyên tắc tính trên số giờ giảng thực tế của BM đã kê khai và thanh toán trực tiếp tại Phòng TCKT đối với hệ chính quy dài hạn và hệ SDH trong nước. Bộ môn để sử dụng số tiền này để tổ chức các hoạt động tăng cường năng lực giảng dạy và nghiên cứu của Bộ môn.</li> <li>+ Phương thức thanh toán: tháng 3 hàng năm, trên cơ sở kê khai thanh toán của năm trước, Nhà trường tạm ứng 70% số tiền Bộ môn được hỗ trợ trong năm và thực hiện quyết toán vào cuối năm.</li> <li>+ Năm 2013, Nhà trường dành 750 triệu để chi cho công tác Hỗ trợ tăng cường năng lực Bộ môn</li> </ul>

10	<b>Thù lao hội đồng khoa học và khen thưởng NCKH</b> Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế (được xếp hạng): 10.000.000đ/bài.	Hỗ trợ và thưởng cho cán bộ, giảng viên có bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế theo ( <i>thuộc hệ thống ISI</i> ): 20.000.000đ/bài, các tạp chí nước ngoài khác có phản biện kín theo quy định của Trường: 5.000.000đ/bài; Tạp chí Kinh tế phát triển số Tiếng Anh: 1.000.000đ/bài		
11		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ, Giảng viên có bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI hoặc tạp chí nước ngoài có phản biện kín thuộc danh mục được trường quy định được phép bù giờ giảng định mức còn thiếu nhưng không quá 50% giờ chuẩn định mức: 1 bài báo ISI = 100 giờ chuẩn định mức; 1 bài báo nước ngoài = 40 giờ chuẩn định mức.</li> <li>- Quy định cho phép chuyển đổi giờ NCKH vượt định mức sang giờ giảng nghĩa vụ đối với giảng viên chưa đủ định mức giờ giảng:</li> <li>+ Tỷ lệ giờ giảng định mức tối đa được chuyển đổi từ giờ NCKH là 50%</li> <li>+ Tỷ lệ quy đổi: 5 giờ nghiên cứu = 1 giờ đứng lớp</li> <li>+ Các công trình khoa học được tính giờ NCKH để chuyển đổi sang giờ giảng: Các bài báo quốc tế; Giáo trình; Chủ nhiệm, thư ký đề tài cấp bộ và tương đương trở lên; Tạp chí khoa học trong nước có phản biện kín viết bằng tiếng nước ngoài.</li> </ul>		
12		Thực hiện phụ cấp 12.000.000 đồng/năm cho mỗi Giáo sư đương nhiệm có số giờ nghiên cứu khoa học trong năm đạt từ 1,5 lần giờ NCKH định mức trở lên		
13	<b>Điều chỉnh một số mức chi quỹ phúc lợi hỗ trợ giảng viên, viên chức hành chính</b>			
	STT	Đối tượng được hưởng	Mức chi cũ (đồng/người)	Mức chi mới (đồng/người)
	1	Chúc tết (Tết nguyên đán) GV,VCHC đã nghỉ hưu (nhận quyết định tại Trường)	200.000	300.000
	2	Đạt các giải thưởng quốc gia là: con GV,VCHC	300.000	500.000
	3	Đạt các giải thưởng quốc tế là: con GV,VCHC	500.000	1000.000
	4	Nghỉ mát, thăm quan hàng năm với mức	300.000đ/ người/năm	500.000đ/ người/năm
	5	Tiền ăn trưa với mức sau	250.000đ/ người/tháng	600.000đ/ người/tháng
	6	Chi cho GV-VCHC (đối với GV-VCHC nghỉ hưu 6 tháng đầu năm được hưởng 50% mức chi phúc lợi, đối với GV-VCHC nghỉ	4 suất	5 suất

		hưu 6 tháng cuối năm được hưởng 100% mức chi phúc lợi) trong dịp Tết Nguyên đán (mức tối thiểu)		
	7	Mức chi /1suất chi phúc lợi	500.000đ	1.000.000đ
14	<b>Điều chỉnh một số mức thu chi cho công tác tổ chức tuyển sinh các hệ đào tạo</b>			
	<b>STT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Mức chi cũ (đồng)</b>	<b>Mức chi mới (đồng)</b>
	<b>1</b>	<b>Hội đồng tuyển sinh:</b>		
		- Phụ cấp Chủ tịch Hội đồng	1.800.000	2.300.000
		- Phụ cấp Phó chủ tịch Hội đồng	1.200.000	1.700.000
		- Phụ cấp UV thường trực Hội đồng	1.100.000	1.600.000
		- Phụ cấp thư ký Hội đồng	500.000	1.000.000
		- Phụ cấp các Ủy viên khác Hội đồng	400.000	800.000
	<b>2</b>	<b>Ban đề thi:</b>		
		- Phụ cấp Trưởng Ban chỉ đạo (tính đề của trường)	900.000	1.600.000
		- Phụ cấp Ủy viên thường trực BCD	750.000	1.200.000
		- Phụ cấp Ủy viên Ban chỉ đạo	650.000	1.100.000
		- Phụ cấp Thư ký và in sao đề thi	650.000	1.000.000
		- Phụ cấp Công an bảo vệ nơi in đề thi	550.000	800.000
		- Phụ cấp thanh tra của Bộ cử xuống Trường	550.000	800.000
		- Phụ cấp bảo vệ khu vực ra đề (cả đợt)/ người. Số người do HĐTS xác định		700.000
	<b>3</b>	<b>Ban coi thi</b>		
		- Phụ cấp Trưởng Ban chỉ đạo	800.000	1.000.000
		- Phụ cấp P.Trưởng Ban chỉ đạo	700.000	900.000
		- Phụ cấp Ủy viên thường trực ban chỉ đạo	650.000	850.000
		- Phụ cấp Ủy viên Ban chỉ đạo	450.000	650.000
		- Phụ cấp Thư ký, CA thường trực tại Ban chỉ đạo	450.000	650.000
		- Phụ cấp CA đưa đề thi và bảo vệ bài thi	350.000	500.000
	- Phụ cấp lái xe đưa đề thi và thu bài thi	300.000	500.000	
	- Phụ cấp Điểm trưởng điểm thi			
	+ Điểm thi có dưới 20 phòng thi	400.000	600.000	
	+ Điểm thi có từ 20 phòng đến 30 phòng thi	450.000	650.000	
	+ Điểm thi có trên 30 phòng thi	500.000	700.000	

	- Phụ cấp P. Điểm trường điểm thi	300.000	400.000
	- Phụ cấp thư ký tổng hợp điểm thi	400.000	600.000
	- Phụ cấp thư ký điểm thi (TB 6 phòng thi/1thư ký)	350.000	550.000
	- Phụ cấp cán bộ coi thi và giám sát phòng thi	300.000	500.000
	- Phụ cấp cán bộ phục vụ, (CA, BV, Y tế, thu phát tiền...)	250.000	350.000
	- Hợp tổng kết coi thi gồm: Ban coi thi, điểm trường và thư ký các điểm thi	50.000	50.000
	- Các điểm thi cách xa trường ĐHKQTĐ trên 10km, phụ cấp thêm cho các chức danh làm công tác coi thi tại điểm thi	50.000	100.000
<b>4</b>	<b>Ban cơ sở vật chất</b>		
	- Phụ cấp Trưởng ban	650.000	850.000
	- Phụ cấp Ủy viên thường trực	550.000	750.000
	- Phụ cấp Ủy viên	450.000	650.000
<b>5</b>	<b>Ban thanh tra</b>		
	- Phụ cấp Trưởng ban	450.000	650.000
	- Phụ cấp Ủy viên	300.000	500.000
<b>6</b>	<b>Điểm thi tại Cụm Vinh và Hải Phòng</b>		
	- Phụ cấp Trưởng ban	700.000	900.000
	- Phụ cấp Ủy viên thường trực ban coi thi	600.000	800.000
	- Điểm trường điểm thi		
	+ Điểm thi có dưới 20 phòng thi		700.000
	+ Điểm thi có dưới từ 20 phòng đến 30 phòng thi		750.000
	+ Điểm thi có dưới trên 30 phòng thi		800.000
	- Thư ký tổng hợp cụm thi		700.000
	- Thư ký		650.000
	- Phụ cấp cán bộ coi thi, giám sát, phục vụ chi trả theo mức chi của trường tại Cụm Vinh, Hải Phòng quy định.		
	- Phụ cấp CA thường trực tại ban	400.000	600.000
	+ Phụ cấp đi đường (tính cho cả đợt/người)	110.000	150.000
	+ Tiền ăn (2 bữa chính/ngày/người)		300.000
	+ Tiền ăn sáng, tiền phòng ngủ	<i>Theo Hợp đồng</i>	
<b>7</b>	<b>Ban chấm thi</b>		

	- Phụ cấp Trưởng Ban	1.500.000	2.000.000
	- Phụ cấp P. Trưởng ban và Ủy viên thường trực	1.300.000	1.700.000
	- Phụ cấp trách nhiệm Thư ký tổng hợp	1.000.000	1.400.000
	- Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng tổ thư ký các môn	300.000	500.000
	- Chấm thi tự luận (đơn giá trọn gói/bài) không bao gồm thuế TNCN	12.000	15.000
	- Công tác thư ký chấm thi môn tự luận (đơn giá trọn gói/bài) kể cả làm trong giờ và ngoài giờ (cho tất cả các thư ký)	4.500	5.500
	- Chấm thi môn trắc nghiệm: đơn giá/ngày/người thư ký	200.000	300.000
	- Công an trực chấm thi trắc nghiệm cả đợt	1.500.000	2.000.000
	- Bảo vệ chấm thi, bảo vệ bài thi cho cả đợt (kể cả chấm phúc khảo)		11.000.000
	- Chuẩn bị tài liệu, xây dựng quy trình chấm thi /người/đợt	500.000	700.000
	- Tổng kết công tác chấm tự luận (mức chi /môn)	1.500.000	2.000.000
	- Phục vụ chấm thi (mức chi/người/buổi)	20.000	50.000
	- Chi các cuộc họp liên quan đến chấm thi (mức chi/người/buổi)	50.000	50.000
<b>8</b>	<b>Chi khác</b>		
	- Chi cho bộ phận vi tính phục vụ công tác tuyển sinh (cả đợt) theo phương thức khoán gọn (gồm cả tiền mua vật tư, văn phòng phẩm) /1 thí sinh theo danh sách dự thi	2.100	3000
	- Chi hỗ trợ công tác tiếp sức mùa thi	<i>Theo dự toán được duyệt</i>	
	- Các chi khác ngoài nội dung chi nêu trên thực hiện theo quyết định của Hiệu trưởng.		

**Điều chỉnh một số mức chi phụ cấp coi thi chấm thi, ra đề và công tác khảo thí**

Mức chi phụ cấp cho công tác coi thi tự luận Ngoài giờ (buổi tối, thứ bảy và chủ nhật): Trong trường	40.000đồng	45.000đồng
Chấm thi tốt nghiệp hệ ĐH:	8.000đ	12.000đ
Chấm thi hết môn tự luận ĐH:	4.000đ	5.000đồng
Chấm thi vấn đáp hết môn các học phần ngoại ngữ của chuyên ngành Tiếng anh thương mại	35.000đ/giáo viên chấm/1 ca thi tổ chức trong giờ hành chính 50.000đ/1 giáo viên chấm/1 ca chấm thi tổ chức ngoài giờ hành chính, thứ Bảy, Chủ nhật	60.000đ/giáo viên chấm/1 ca thi tổ chức trong giờ hành chính 80.000đ/1 giáo viên chấm/1 ca chấm thi tổ chức ngoài giờ hành chính, thứ Bảy, Chủ nhật.
Đối với học phần GDTC & Thực hành GDQP		5000đ/ sinh viên, không tính tiền coi thi
Chấm bài kiểm tra hệ đại học:	2.000đ/bài kiểm tra	2.500đ/bài kiểm tra
Ra đề thi tốt nghiệp (gồm cả đáp án)	100.000đ/1 đề thi, 1 môn thi/1 lần thi	125.000đ/1 đề thi, 1 môn thi/1 lần thi
Ra câu hỏi thi để làm ngân hàng đề thi trắc nghiệm trên máy tính	6.000đ/1câu hỏi	7.000đ/1câu hỏi

15	<p><b>Chế độ về đào tạo bồi dưỡng giảng viên và viên chức hành chính</b></p> <p>Học phí và kinh phí đào tạo (có quyết định cử đi học)</p>	<p><b>Bổ sung:</b></p> <p>Đối với các viên chức tham gia các các chương trình đào tạo trong nước liên kết với nước ngoài có uy tín, được Hiệu trưởng đồng ý. Mức hỗ trợ 30.000.000đ/người khi hoàn thành chương trình học.</p> <p>Đối với các viên chức tham gia các các chương trình đào tạo nước ngoài có uy tín bằng nguồn học bổng hoặc tự túc, được Hiệu trưởng đồng ý. Mức hỗ trợ 30.000.000đ/người khi hoàn thành chương trình học.</p>
16	Hỗ trợ viên chức tập sự đạt chứng chỉ tiếng anh quốc tế	Viên chức trong thời gian tập sự hoặc trong thời gian 1 năm đầu tiên hợp đồng sau tập sự đạt chứng chỉ IELTS 6.5 trở lên hoặc TOEFL IBT 85 trở lên được hỗ trợ lệ phí thi là 5.000.000đ

17	Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể được tính mức miễn trừ cao nhất.	<p><b>Bổ sung:</b></p> <p>Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể được tính mức miễn trừ cao nhất và cộng thêm 30% của 1 (một) mức miễn trừ cao nhất tiếp theo.</p>
18	Thu nhập tối thiểu bình quân một tháng của giảng viên	<p>Thu nhập tối thiểu bình quân 1 tháng được tính bằng thu nhập bình quân của giảng viên trong những tháng làm việc thực tế trong 1 năm (tháng làm việc thực tế là những tháng thực tế có làm việc, không tính thời gian đi học ở nước ngoài, nghỉ thai sản, nghỉ không lương và các trường hợp tương tự khác). Giảng viên không hoàn thành định mức giảng dạy, NCKH hoặc do tính chất công việc nhà trường yêu cầu điều động giảng viên làm việc mà từ chối sẽ không được hưởng theo quy định này.</p> <p>Mức thu nhập tối thiểu bình quân một tháng của giảng viên/tháng: Cử nhân: 4.500.000 đồng; Thạc sỹ: 5.500.000 đồng; Tiến sỹ: 6.500.000 đồng; PGS.TS: 9.000.000 đồng; GS.TS: 12.000.000 đồng</p>
19	Mức phụ cấp đối với chức danh lãnh đạo có hệ số 1,00: 4.500.000đ/tháng	<p>Mức phụ cấp đối với chức danh lãnh đạo có hệ số 1,00: 5.000.000đ/tháng</p> <p>Đối với GV-VCHC kiêm nhiệm nhiều chức danh quản lý: được tính hệ số phụ cấp quản lý, trách nhiệm ở mức cao nhất và cộng thêm 30% của 1 (một) mức cao thứ hai</p>
20	Hỗ trợ đối với giảng viên tập sự và chuyên viên tập sự 1.000.000đ/tháng, trả hàng tháng	<p>Hỗ trợ đối với giảng viên tập sự và chuyên viên tập sự 1.000.000đ/tháng. Mức hỗ trợ được chi trả trực tiếp 3 tháng/1 lần dựa trên cơ sở đánh giá công việc của Trưởng đơn vị và người hướng dẫn tập sự</p>
21		<p>Giảng viên giảng các chương trình Tiến tiến, Chất lượng cao, POHE và các chương trình đào tạo liên kết nước ngoài do trường quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài (không bao gồm giảng dạy ngoại ngữ): được tính 50% tổng giờ thực giảng tại các chương trình này để tính vào định mức giảng dạy nhưng không vượt quá 50% định mức giờ chuẩn nghĩa vụ theo từng chức danh.</li> <li>+ Giảng dạy bằng tiếng Việt (không bao gồm các học phần GDTC, GDQP): được tính 20% tổng giờ thực giảng tại các chương trình này để tính vào định mức giảng dạy nhưng không vượt quá 20% định mức giờ chuẩn nghĩa vụ theo từng chức danh.</li> </ul>



**Điều chỉnh một số mức chi hỗ trợ GV, VCHC tham gia công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban Thanh tra nhân dân theo mức sau:**

STT	Nội dung, chức danh	Mức chi cũ/ năm	Mức chi mới/ năm
<b>I</b>	<b>Công tác Đảng</b>		
1	Đảng bộ trường		
	- Bí thư, phó bí thư ĐU trường	2.000.000	3.000.000
	- Thường vụ Đảng uỷ	1.500.000	2.500.000
	- Đảng uỷ viên	1.000.000	2.000.000
	- Trưởng các ban của Đảng uỷ	700.000	1.200.000
	- Phó trưởng ban của Đảng uỷ	400.000	800.000
	- Uỷ viên các ban của Đảng uỷ (trừ Đảng uỷ viên)	300.000	500.000
	- Cán bộ chuyên trách công tác Đảng	1.000.000	2.000.000
2	Đảng bộ bộ phận		
	- Bí thư	700.000	1.000.000
	- Phó bí thư	400.000	600.000
	- Chi uỷ viên	300.000	500.000
3	Các chi bộ trong toàn Đảng bộ		
	- Bí thư	700.000	900.000
	- Phó bí thư	400.000	500.000
	- Chi uỷ viên	300.000	400.000
<b>II</b>	<b>Công tác Công đoàn</b>		
1	Công đoàn trường		
	- Chủ tịch công đoàn	1.500.000	2.500.000
	- Phó chủ tịch công đoàn	1.400.000	2.200.000
	- Uỷ viên thường vụ công đoàn	1.300.000	2.000.000
	- Trưởng các ban	700.000	1.000.000
	- UV BCHCĐ trường (trừ thường vụ)	1.000.000	1.500.000
	- UV ban kiểm tra	300.000	600.000
2	Công đoàn bộ phận		
	- Chủ tịch, tổ trưởng	600.000	800.000
	- Phó chủ tịch, tổ phó	300.000	500.000
	- UVBCH công đoàn đơn vị	200.000	400.000

22

	<b>III</b>	<b>Công tác Đoàn thanh niên là CB, VCHC</b>		
	1	Đoàn thanh niên trường		
		- Bí thư	1.200.000	2.000.000
		- Phó bí thư	1.000.000	1.800.000
		- Thường vụ (trừ bí thư và phó bí thư)	800.000	1.500.000
		- UVBCH đoàn thanh niên (Trừ thường vụ)	700.000	1.200.000
		- Cán bộ chuyên trách (không tham gia BCH đoàn)	1.000.000	1.200.000
	2	Công tác Đoàn thanh niên ở các bộ phận		
		- Bí thư liên chi, chi đoàn	600.000	700.000
		- Phó bí thư liên chi, chi đoàn	300.000	500.000
		- Các UVBCH liên chi, chi đoàn	200.000	300.000
	<b>IV</b>	<b>Ban Thanh tra nhân dân</b>		
		- Trưởng ban		1.500.000
		- Phó Trưởng ban		1.000.000
		- Ủy viên		600.000
23	<b>Quy định mức chi cho giáo trình và học liệu học tập</b> Sách dịch 40.000đ/trang		Giáo trình trọng điểm: 100.000đ/1 trang Sách dịch 75.000đ/trang	
24	<b>Điều chỉnh Mức khoán VPP cho các đơn vị (Đơn vị: đ/tháng)</b>			
	Khoa/Viện		Mức khoán 2011	Mức khoán 2013
	Viện: Ngân hàng Tài chính, Kế toán, Thương mại và Kinh tế quốc tế		1.000.000	1.200.000
	Khoa: Quản trị kinh doanh, Bất động sản và kinh tế tài nguyên, Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực, Khoa học QL, Đầu tư		800.000	1.000.000
	Khoa: Du lịch khách sạn, Toán kinh tế, Thống kê, Luật kinh doanh, Ngoại ngữ KT, Tin học kinh tế, Môi trường ĐT, Kế hoạch &PT, Lý luận chính trị, Marketing, Bảo hiểm, Kinh tế học		600.000	800.000
	Khoa giáo dục quốc phòng; Bộ môn: Giáo dục thể chất, Công nghệ thông tin, và Y tế trường		400.000	500.000

25	<p>Đơn giá Hướng dẫn Luận văn thạc sĩ, Luận án tiến sĩ và Hội đồng chấm luận văn, luận án</p> <p><b>Mức chi Hội đồng bảo vệ luận văn thạc sĩ:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chức danh trong HĐ</th> <th>Mức thanh toán (đ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Chủ tịch, phản biện</td> <td>350.000</td> </tr> <tr> <td>2. Thư ký</td> <td>300.000</td> </tr> <tr> <td>3. Ủy viên</td> <td>250.000</td> </tr> <tr> <td>4. GVHD</td> <td>100.000</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Mức chi Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chức danh trong HĐ</th> <th>Mức thanh toán (đ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện</td> <td>450.000</td> </tr> <tr> <td>2. Thư ký</td> <td>400.000</td> </tr> <tr> <td>3. Ủy viên</td> <td>350.000</td> </tr> <tr> <td>4. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ</td> <td>150.000</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Mức chi Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp quốc gia:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chức danh trong HĐ</th> <th>Mức thanh toán (đ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện, Thư ký</td> <td>550.000</td> </tr> <tr> <td>2. Ủy viên</td> <td>450.000</td> </tr> <tr> <td>3. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ</td> <td>150.000</td> </tr> </tbody> </table>	Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)	1. Chủ tịch, phản biện	350.000	2. Thư ký	300.000	3. Ủy viên	250.000	4. GVHD	100.000	Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)	1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện	450.000	2. Thư ký	400.000	3. Ủy viên	350.000	4. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ	150.000	Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)	1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện, Thư ký	550.000	2. Ủy viên	450.000	3. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ	150.000	<p><b>Mức chi Hội đồng bảo vệ luận văn thạc sĩ:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chức danh trong HĐ</th> <th>Mức thanh toán (đ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Chủ tịch, phản biện</td> <td>450.000</td> </tr> <tr> <td>2. Thư ký HĐ</td> <td>400.000</td> </tr> <tr> <td>3. Ủy viên (Không chi nếu ủy viên vắng mặt tại Hội đồng)</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>4. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ</td> <td>100.000</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Mức chi Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chức danh trong HĐ</th> <th>Mức thanh toán (đ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện, Thư ký HĐ</td> <td>550.000</td> </tr> <tr> <td>2. Ủy viên</td> <td>400.000</td> </tr> <tr> <td>3. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ</td> <td>150.000</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Mức chi Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp quốc gia:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chức danh trong HĐ</th> <th>Mức thanh toán (đ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện, Thư ký</td> <td>650.000</td> </tr> <tr> <td>2. Ủy viên</td> <td>500.000</td> </tr> <tr> <td>3. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ</td> <td>150.000</td> </tr> </tbody> </table>	Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)	1. Chủ tịch, phản biện	450.000	2. Thư ký HĐ	400.000	3. Ủy viên (Không chi nếu ủy viên vắng mặt tại Hội đồng)	30.000	4. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ	100.000	Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)	1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện, Thư ký HĐ	550.000	2. Ủy viên	400.000	3. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ	150.000	Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)	1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện, Thư ký	650.000	2. Ủy viên	500.000	3. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ	150.000
	Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)																																																						
	1. Chủ tịch, phản biện	350.000																																																						
	2. Thư ký	300.000																																																						
3. Ủy viên	250.000																																																							
4. GVHD	100.000																																																							
Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)																																																							
1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện	450.000																																																							
2. Thư ký	400.000																																																							
3. Ủy viên	350.000																																																							
4. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ	150.000																																																							
Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)																																																							
1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện, Thư ký	550.000																																																							
2. Ủy viên	450.000																																																							
3. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ	150.000																																																							
Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)																																																							
1. Chủ tịch, phản biện	450.000																																																							
2. Thư ký HĐ	400.000																																																							
3. Ủy viên (Không chi nếu ủy viên vắng mặt tại Hội đồng)	30.000																																																							
4. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ	100.000																																																							
Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)																																																							
1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện, Thư ký HĐ	550.000																																																							
2. Ủy viên	400.000																																																							
3. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ	150.000																																																							
Chức danh trong HĐ	Mức thanh toán (đ)																																																							
1. Chủ tịch, Ủy viên phản biện, Thư ký	650.000																																																							
2. Ủy viên	500.000																																																							
3. Giáo viên hướng dẫn dự bảo vệ	150.000																																																							